TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 09-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiển.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường, là Thư ký TAND huyện Krông Nô.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST-DS, ngày 03/01/2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-DS, ngày 17/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2023/QĐST-DS, ngày 04/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2023/QĐST-DS, ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn T; Địa chỉ: Nam Kỳ Khởi N, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung K, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch C (Theo văn bản ủy quyền số 1798/2022/GUQ-PL ngày 20/7/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn T)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức T – Phó Trưởng phòng giao dịch C (Theo văn bản ủy quyền số 40/2022/GUQ-CNĐNO ngày 01/8/2022) – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1988 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2022 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 26/12/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:*

Ngày 27/11/2019, bà Lê Thị Ngọc B có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh Đ - Phòng Giao dịch C (Sacombank), chi tiết như sau:

- Theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019; Số tiền vay: 30.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)*.Thời hạn vay là 20 tháng; Lãi suất 03 tháng đầu tiên 20.5%/năm. Lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày nhận nợ, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Sacombank điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ (LV13) cộng biên độ 12.6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần. Trường hợp chậm trả gốc bên được cấp tín dụng phải chịu 150% lãi suất trong hạn theo quy định; trường hợp chậm trả lãi bên được cấp tín dụng chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Hoàn trả khoản tín dụng gốc 20 kỳ theo dư nợ giảm dần: mỗi kỳ 01 tháng, số vốn phải trả/kỳ là 1.500.000 đồng, vốn và lãi trả hàng tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Thời điểm trả hết nợ ngày 27/7/2021. Mục đích vay vốn: Tiêu dùng cá nhân. Biện pháp bảo đảm: Không tài sản bảo đảm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lê Thị Ngọc B chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng số là 19.014.573 đồng, trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 4.014.573 đồng. Do vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng đã ký. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn kể từ ngày 28/10/2020.

- Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng theo đó bà Lê Thị Ngọc B đã kích hoạt và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)*. Lãi suất tại thời điểm làm thẻ 31.2%/năm. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Biện pháp bảo đảm: Không tài sản bảo đảm. Ngày 22/02/2021 bà Lê Thị Ngọc B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Sacombank đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ gốc quá hạn, bà B vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Ngọc B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ) bao gồm:

1. Tổng số tiền là 26.569.640 đồng (Tính đến ngày 09/6/2023) theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019, trong đó: Số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 7.948.479 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.303.920 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi là 317.241 đồng.

2. Tổng số tiền là 89.731.763 đồng (Tính đến ngày xét xử ngày 09/6/2023) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T, trong đó vốn gốc chuyển quá hạn là 42.972.758 đồng, tiền lãi, phí phát sinh 46.759.005 đồng.

Kể từ ngày 10/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên

thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

** Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Bích vắng mặt.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chấp hành không đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị Ngọc B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ) bao gồm:

1. Tổng số tiền là 26.569.640 đồng (Tính đến ngày 09/6/2023) theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019, trong đó: Số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 7.948.479 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.303.920 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi là 317.241 đồng.

2. Tổng số tiền là 89.731.763 đồng (Tính đến ngày xét xử ngày 09/6/2023) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T, trong đó vốn gốc chuyển quá hạn là 42.972.758 đồng, tiền lãi, phí phát sinh 46.759.005 đồng.

Kể từ ngày 10/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện bà Lê Thị Ngọc B phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019. Vì vậy

đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bà Lê Thị Ngọc B sinh sống làm việc tại thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà B không đến Tòa án làm việc, không có văn bản hay có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Bích.

[2]. Về chủ thể, nội dung hợp đồng:

[2.1]. Đối với Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 đã xác định được Ngân hàng TMCP Sài Gòn T cho bà Lê Thị Ngọc B vay số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay là 20 tháng, chia 20 kỳ theo dư nợ giảm dần: mỗi kỳ 01 tháng, số vốn phải trả/kỳ là 1.500.000 đồng, vốn và lãi trả hàng tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Thời điểm trả hết nợ ngày 27/7/2021. Mục đích vay vốn: Tiêu dùng cá nhân. Biện pháp bảo đảm: Không tài sản bảo đảm. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 20.5%/năm. Lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày nhận nợ, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Sacombank điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ (LV13) cộng biên độ 12.6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần. Trường hợp chậm trả gốc bên được cấp tín dụng phải chịu 150% lãi suất trong hạn theo quy định; trường hợp chậm trả lãi bên được cấp tín dụng chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và bên vay là bà B. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay… đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.1.1]. Đối với Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 thì bà Lê Thị Ngọc B vay tổng số tiền là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

Tại Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 thể hiện Nguyên đơn có quyền thu hồi nợ trước thời hạn nếu bên được cấp tín dụng vi phạm nội dung hợp đồng tín dụng. Theo phân kỳ trả nợ của Hợp đồng, thời điểm bà B có nghĩa vụ phải thanh toán nợ số tiền nợ gốc 1.500.000 đồng theo dư nợ giảm dần của kỳ ngày 27/10/2020 cho đến cuối kỳ 26/7/2021. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 19.014.573 đồng, trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 4.014.573 đồng. Do bà B không thanh toán được

số tiền nợ gốc còn lại của các đợt trên. Vì vậy Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng.

[2.1.2]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi trong hạn:

Tại Điều 3 Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 thể hiện thời điểm Ngân hàng giải ngân cho bà B thì lãi suất 03 tháng đầu tiên 20.5%/năm. Lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày nhận nợ, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Sacombank điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ (LV13) cộng biên độ 12.6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần. Tính đến ngày 09/6/2023, tổng số tiền lãi trong hạn mà bà B có nghĩa vụ thanh toán là 11.963.052 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 4.014.573 đồng, số tiền lãi trong hạn phải thanh toán là 7.948.479 đồng.

[2.1.3]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi quá hạn:

Tại mục 5.3 Điều 5 Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 thể hiện trường hợp Bị đơn không thanh toán đúng hạn và đầy đủ thì Nguyên đơn có quyền chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất trong hạn.

Theo phân kỳ trả nợ của Hợp đồng, bà B còn có nghĩa vụ thanh toán 10 kỳ nợ gốc hàng tháng vào các kỳ của ngày 27/10/2020 cho đến hết kỳ của ngày 27/7/2021. Do Bị đơn không thanh toán được, vì vậy Nguyên đơn chuyển số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng của 10 kỳ theo hợp đồng, Số tiền lãi quá hạn phải thanh toán là 3.303.920 đồng.

[2.1.4]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán lãi: Tại mục 5.4 Điều 5 Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 thể hiện mức lãi suất chậm thanh toán lãi là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trong số tiền lãi trong hạn mà Bị đơn phải thanh toán là 11.963.052 đồng, có 7.948.479 đồng tiền lãi mà Bị đơn chậm thanh toán. Do vậy Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 7.948.479 đồng với mức lãi suất 10%/năm là 317.241 đồng.

Tổng cộng là 15.000.000 đồng + 7.948.479 đồng + 3.303.920 đồng + 317.241 đồng = 26.569.640 đồng.

[2.2]. Đối với Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng theo đó bà Lê Thị Ngọc B đã kích hoạt và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)*. Lãi suất tại thời điểm làm thẻ 31.2%/năm. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Biện pháp bảo đảm: Không tài sản bảo đảm. Ngày 22/02/2021 bà Lê Thị Ngọc B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Sacombank đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ gốc quá hạn, bà B vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn T

và bên vay là bà B. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về hạn mức cho vay, mức lãi suất, phát hành thẻ, sử dụng thẻ, chấm dứt sử dụng thẻ… đúng quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Sau khi bà B giao dịch rút tiền, đến ngày 22/02/2021 bà B vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng Ngân hàng mà không đóng lãi, phí trong 03 kỳ liên tiếp nên Ngân hàng Sacombank đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ gốc quá hạn , đã ký đối với dư nợ gốc là 42.972.758 đồng được quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T mà các bên đã thỏa thuận.

[2.2.1]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi quá hạn:

Tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T thể hiện trường hợp Bị đơn đã kích hoạt và sử dụng thẻ tín dụng vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng Ngân hàng không đóng lãi, phí trong 03 kỳ liên tiếp thì hạn mức của chủ thẻ sẽ chấm dứt, dư nợ của chủ thẻ kể cả phí và lãi tất cả các giao dịch trở nên đến hạn ngay lập tức. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Vì vậy Nguyên đơn chuyển số tiền nợ gốc sang nợ quá hạn, Số tiền lãi quá hạn phải thanh toán là 46.759.005 đồng.

Tổng cộng là 42.972.758 đồng + 46.759.005 đồng = 89.731.763 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi trong hạn, tiền nợ lãi quá hạn, tiền chậm trả lãi của Nguyên đơn đối với Bị đơn theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T thể hiện cụ thể tại bảng kê tính lãi được lập ngày 09/6/2023 là có cơ sở, đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn tổng số tiền là 26.569.640 đồng + 89.731.763 đồng = 116.301.403 đồng.

[5]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 116.301.403 đồng x 5% = 5.815.070 đồng (làm tròn 5.815.000 đồng). Bà Lê Thị Ngọc B có nghĩa vụ nộp số tiền 5.815.000 đồng (*Năm triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ) số tiền 2.602.000 đồng *(Hai triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (người nộp tiền Vũ Đình L) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0003462, ngày 30/12/2022.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 155; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 410, Điều 418, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

1. Buộc bà Lê Thị Ngọc B thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ) bao gồm:

1.1. Tổng số tiền là 26.569.640 đồng (Tính đến ngày 09/6/2023) theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019, trong đó: Số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 7.948.479 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.303.920 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi là 317.241 đồng.

1.2. Tổng số tiền là 89.731.763 đồng (Tính đến ngày xét xử ngày 09/6/2023) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T, trong đó vốn gốc chuyển quá hạn là 42.972.758 đồng, tiền lãi, phí phát sinh 46.759.005 đồng.

Kể từ ngày 10/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD1933000166 ngày 27/11/2019 và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 1379346, ngày 11/11/2019 kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc B có nghĩa vụ nộp số tiền 5.815.000 đồng (*Năm triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ) số tiền 2.602.000 đồng *(Hai triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (người nộp tiền Vũ Đình L) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0003462, ngày 30/12/2022.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện.Krông Nô;
- CC THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà

Võ Thị Nhi *(đã ký và đóng dấu)*